

Số: 142/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương;

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 241/2024/TLST-VLĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 121/2024/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1985; thường trú: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên hệ: Số A, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH E; địa chỉ: Số G, Đại Lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt).

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 11/10/2024.) (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lê Thị D trình bày:*

Từ tháng 10/2004 cho đến tháng 05/2010, bà D có làm việc tại Công ty TNHH J và từ tháng 04/2011 đến tháng 7/2023, bà D làm việc tại Công ty TNHH P và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7411130523. Nay, bà D tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà D bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Có người sử dụng thông tin của bà D - Lê Thị D để

giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH E khoảng từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007.

Cùng thời gian đó, bà D giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J đến khoảng tháng 5/2010 thì bà D nghỉ việc, đến tháng 4/2011 bà D làm việc tại Công ty TNHH P. Do đó, bà D bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007 tương đương với thời gian có người sử dụng hồ sơ lao động của bà D. Bà D khẳng định từ trước đến nay, bà D không cho ai mượn và cũng không biết ai sử dụng thông tin của bà D để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH E.

Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị D và Công ty TNHH E (thời gian làm việc từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007) là vô hiệu. Ngoài ra, bà D không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH E cho người lao động thì Công ty TNHH E có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lê Thị D, sinh năm 1985, số CMND 183469102 với mã số BHXH 9106220379 tại Công ty TNHH E từ tháng 12/2006 đến tháng 05/2007 chưa nhận trợ cấp BHXH.

- Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Lê Thị D và Công ty TNHH E, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Dĩ An căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Ngoài ra bà Lê Thị D còn có:

+ Mã số 7411130523 từ tháng 04/2011 đến tháng 07/2023 tại Công ty TNHH P.

+ Mã số 9104137218 từ tháng 09/2004 đến tháng 04/2010 tại Công ty TNHH J.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Lê Thị D, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Lê Thị D, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH E: Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty TNHH E để làm việc, lấy lời khai; cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng Công ty TNHH E vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Công ty TNHH E cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà Lê Thị D.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lê Thị D là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà Lê Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng

vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007, người lao động tên Lê Thị D, sinh năm 1985, số chứng minh nhân dân 183469102 được Công ty TNHH E tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm là 9106220379, dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH E và bà D trong thời gian từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007. Tuy nhiên, bản thân bà Lê Thị D xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH E và thực tế làm việc tại Công ty TNHH E trong khoảng thời gian từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007 theo hợp đồng lao động không phải bà Lê Thị D mà do có người sử dụng chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà D để đi làm việc. Đối với bà D trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH J. Trình bày của bà D phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 09/2004 đến tháng 04/2010, bà D có quá trình tham gia tại Công ty TNHH J. Xét, việc có người lấy tên bà D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Lê Thị D bị trùng từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007. Do đó, bà D yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH E với bà Lê Thị D từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Lê Thị D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lê Thị D.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị D với Công ty TNHH E thời gian làm việc từ tháng 12/2006 đến tháng 5/2007 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001625 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương